TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS - ST
Ngày: 24 - 01 - 2018
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Đình Lâm

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Cao Đức Giang

Bà Hoàng Thị Khánh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Lĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham dự phiên tòa*: ông Lê Đại – Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 38/2017/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Thể T, sinh năm 1962. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ A, khu B, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/12/2017.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1979. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 3, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Thị H, sinh năm 1970 (vợ anh Dương Thể T). Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, khu 13, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Ủy quyền cho anh Dương Thể T theo giấy ủy quyền ngày 03/11/2017.

Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/12/2017.

Người làm chứng

1. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1957. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 3, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/11/2017

2. Anh Dương Đức Q, sinh năm 1949. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/12/2017

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2017, bản tự khai và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn anh Dương Thể T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H thống nhất trình bày:

Năm 2013 anh Nguyễn Trọng H có đến thuê nhà của anh Dương Thể T và chị Bùi Thị H để sinh sống. Trong thời gian ở tại nhà thê của anh T và chị H, anh H nêu lý do là đi thầu xây dựng cần tiền để trả cho công nhân, do đó vay nợ tiền của anh T và chị H, nợ tiền điện nước thuê nhà cụ thể như sau: Ngày 15/9/2013 anh H vay 3.000.000đ hẹn một tuần thì trả tiền. Ngày 17/9/2013 anh H vay 3.500.000đ. Ngày 24/9/2013 anh H vay số tiền 13.500.000đ. Ngày 05/10/2013 anh H vay 10.000.000đ. Đến ngày 07/10/2013 anh H tính toán còn nợ tiền mua xe, tiền thuê nhà là 23.200.000đ. sau đó anh H vay thêm 15.000.000đ, nợ tiền điện nước là 1.800.000đ. Tổng cộng anh H nợ vợ chồng anh Dương Thể Th và chị Bùi Thị H là 70.000.000đ. Đến năm 2014 anh Nguyễn Trọng H chuyển về sinh sống tại xóm 3, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T và chị H.

Ngày 14/5/2014 anh T và anh Dương Đức Q vào nhà anh H tại xã L để yêu cầu anh H trả nợ. Anh H có viết giấy cam kết có nội dung nhận nợ 70.000.000đ và cam kết trả mỗi tháng 5 triệu cho đến khi hết nợ. Khi anh H viết có sự chứng kiến của anh Dương Đức Q và bà X là mẹ của anh H. Tuy nhiên sau khi cam kết anh H không trả được khoản tiền nào. Ngày 11/5/2015 anh H lại cam kết trả hết toàn bộ số tiền 70.000.000đ trong tháng 7/2015. Tuy nhiên, đến hạn anh H không trả nợ theo cam kết.

Nay anh Dương Thể T yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Trọng H phải trả số tiền gốc vay còn nợ là 70.000.000đ cho anh T và chị H, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án do đó không có lời khai của anh Nguyễn Trọng H.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17/11/2017 bà Ngô Thị X trình bày:

Anh Nguyễn Trọng H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 3, xã L, huyện D, tỉnh Nghệ An. Ngày 14/5/2014 anh Dương Thể T có vào nhà bà X để gặp

anh H (con của bà X) để yêu cầu anh H trả nợ. Sau đó anh H có viết giấy cho anh T với nội dung nợ anh T số tiền 70.000.000đ. Anh H viết giấy nhận nợ hoàn toàn tự nguyện và trong tình trạng nhận thức bình thường. Bà X đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Người làm chứng anh Dương Đức Q trình bày: Ngày 14/5/2017 anh Dương Thể T có vào nhà anh H để yêu cầu anh H trả nợ. Sau đó hai bên có viết giấy chốt nợ số tiền 70.000.000đ và anh H cam kết mỗi tháng trả 5.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Anh H viết giấy nhận nợ hoàn toàn tự nguyện, không bị éo buộc. Anh Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giả quyết vụ án và tại phiên Tòa.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật.Nguyên đơn,ng□ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ng□ời làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 227 BLTTDS để xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án

□p dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228 Bộ Luật TTDS 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thể T buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả số tiền 70.000.000 đồng cho ông Dương Thể T.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV QUốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Trọng H nhiều lần nhưng anh H cố tình trốn tránh gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Trọng H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên đã tiến hành hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt. Đồng thời, nguyên đơn, người có quyền lơi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó cần áp dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ có căn cứ xác định trong thời gian anh Nguyễn Trọng H thuê nhà của anh Dương Thể T và chị Bùi Thị H có vay nợ anh Th và chị H nhiều lần và nợ tiền thuê nhà của anh T, chị H. Ngày 14/5/2014 anh H có chốt nợ với anh T theo đó anh H còn nợ anh T số tiền 70.000.000đ và cam kết mỗi tháng trả 5.000.000đ. Sau khi cam kết anh H không thực hiện. Ngày 11/5/2015 anh H tiếp tục cam kết trả hết số tiền 70.000.000đ trong tháng 7 năm 2015, nhưng đến hạn anh H không trả.

[3]. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Trọng H có nợ anh Dương Thể T và chị Bùi Thị H số tiền 70.000.000đ. Căn cứ vào hẹn trả nợ ngày 14/05/2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất theo điều 470 BLDS. HĐXX xét thấy yêu cầu của anh T và chị H buộc anh Nguyễn Trọng H trả nợ số tiền 70.000.000đ và không yêu cầu lãi suất là phù hợp với quy định tại pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và chị H.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng H phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh T.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, Điều 26, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Xử: Buộc anh Nguyễn Trọng H trả nợ cho anh Dương Thể T và chị Bùi Thị H tổng số tiền gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Án phí: Anh Nguyễn Trọng H phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh Dương Thể T số tiền 1.750.00đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nạp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai thu tiền số 0004295 ngày 13 tháng 10 năm 2017

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm

Nơi nhận:
Các đương sự.
VKS. DC
THA.DC
Lưu HS
Lưu VP